

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Quyết định định giá dịch vụ thuộc lĩnh vực hàng không dân dụng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ thuộc lĩnh vực hàng không dân dụng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1518/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành mức giá dịch vụ điều hành bay đi, đến và mức giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý như sau:

- Bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau: “3. Mức giá quy định chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.”.
- Bổ sung khoản 3 Điều 2 như sau: “3. Mức giá quy định chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.”.

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quyết định số 1722/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không như sau:

- Sửa đổi tên Quyết định thành: “Quyết định ban hành mức giá, khung giá một số dịch vụ tại cảng hàng không”.

2. Sửa đổi Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-BGTVT như sau:

“**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ tại cảng hàng không (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), bao gồm:

1. Dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay.
2. Dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không.
3. Dịch vụ cho thuê sân đậu tàu bay.
4. Dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách.
5. Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý.
6. Dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống tàu bay.
7. Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không.
8. Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi.
9. Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không.
10. Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không.
11. Nhượng quyền khai thác dịch vụ tại cảng hàng không.”.

3. Sửa đổi tên “Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không” thành “Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ tại cảng hàng không”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5. Mức giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay của Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “Điều 5. Mức giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay” thành “Điều 3. Mức giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không”;

b) Sửa đổi, bổ sung cụm từ “2. Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Vân Đồn” ở cột Cảng hàng không của bảng mức giá tại khoản 1 thành “2. Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Vân Đồn, Cam Ranh”;

c) Sửa đổi cụm từ “6. Cảng hàng không khác (không bao gồm cảng hàng không quốc tế Cam Ranh)” ở cột Cảng hàng không của bảng mức giá tại khoản 1 thành “6. Cảng hàng không khác”.

5. Sửa đổi cụm từ “Điều 5. Khung giá dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay” của Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không thành “Điều 5. Khung giá dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống tàu bay”.

6. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Điều 12. Khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay của Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “Điều 12. Khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay” thành “Điều 12. Khung giá nhượng

quyền khai thác dịch vụ tại cảng hàng không”;

b) Bãi bỏ nội dung khung giá nhượng quyền khai thác kỹ thuật hàng không tại số thứ tự 5 bảng khung giá.

7. Thay thế cụm từ “cảng hàng không, sân bay” bằng cụm từ “cảng hàng không” tại bảng khung giá của Điều 10 và tên các Điều 9, Điều 11 của Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không.

8. Bãi bỏ Điều 2, Điều 13, Điều 14 của Biểu mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không.

**Điều 3.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1723/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành mức tối đa giá dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa hạng phổ thông cơ bản bán trong lãnh thổ Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi tên Quyết định thành “Quyết định ban hành mức tối đa giá dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thường lệ hạng phổ thông cơ bản”.

2. Sửa đổi tên Điều 1 thành “Điều 1. Ban hành mức tối đa giá dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thường lệ hạng phổ thông cơ bản như sau:”.

**Điều 4.** Bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 1720/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành mức giá dịch vụ phục vụ hành khách và khung giá dịch vụ cho thuê mặt bằng tại nhà ga hành khách quốc tế Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh.

2. Quyết định số 1721/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ cho thuê mặt bằng tại nhà ga hàng hóa.

**Điều 5.** Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Vận tải và An toàn giao thông, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, VT&ATGT<sub>(HNB)</sub>.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Anh Tuấn**